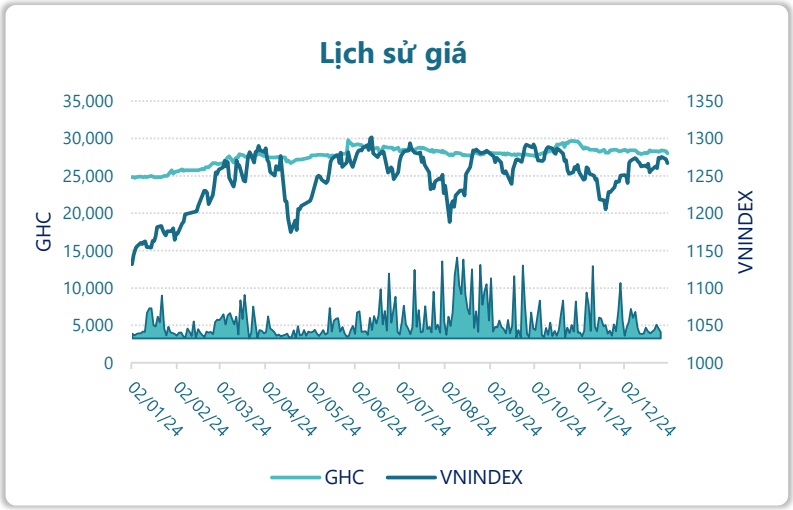
FireAnt

CTCP Thủy điện Gia Lai (UPCOM: GHC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,781
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,724
SL cổ phiếu LH	47,662,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,980
% sở hữu nước ngoài	4.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,335
P/E	7.4
EPS	3,808

DT thuần

Q4/24

92.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.60| 10.3%

YoY: ▼0.10| -0.1%

LN sau thuế

Q4/24

68.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.7| 40.3%

YoY: ▲ 25.2| 58.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

74.7%

+/- YoY: ▲ 7.2%

DT thuần

2024

317

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.0| -3.3%

LN sau thuế

2024

181

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.0| 16.6%

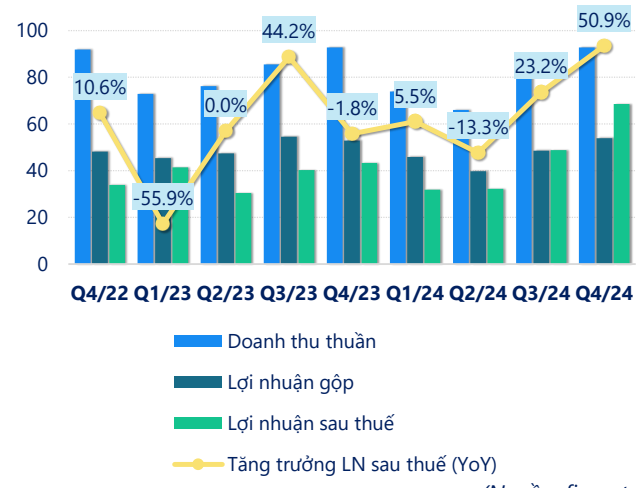
ROE

2024

18.2%

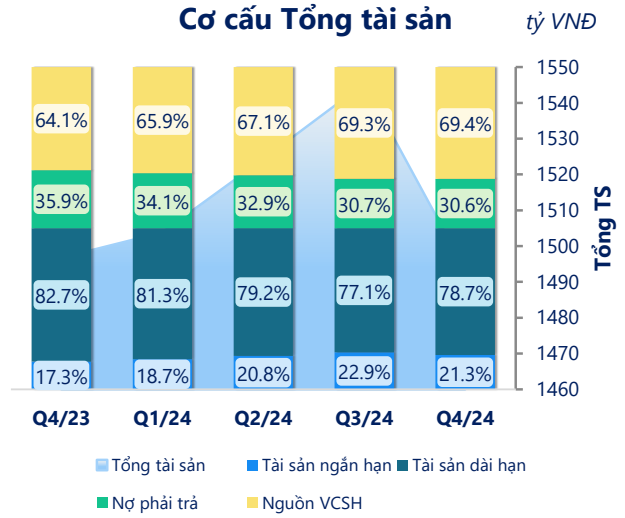
+/- YoY: ▲ 1.8%

Kết quả kinh doanh



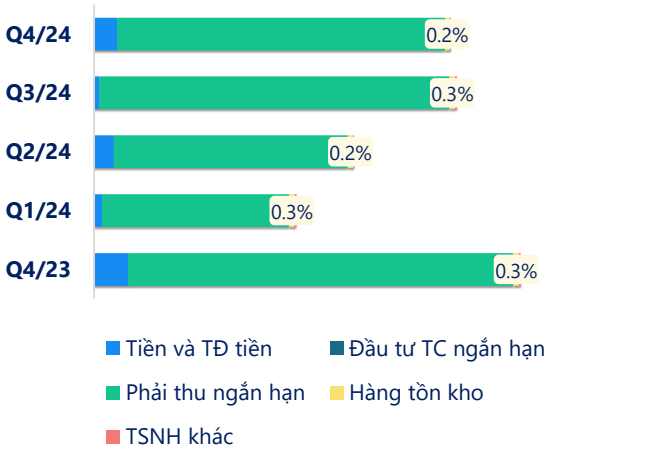
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



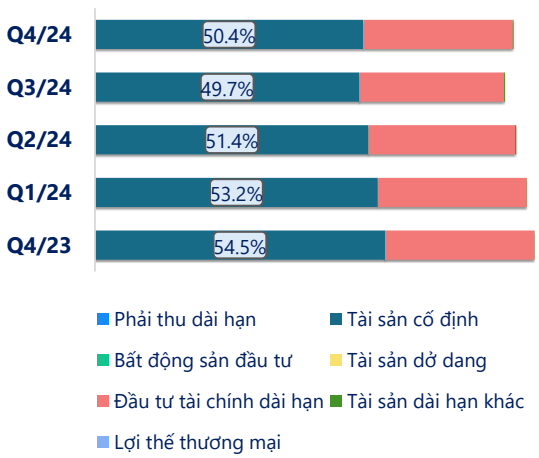
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



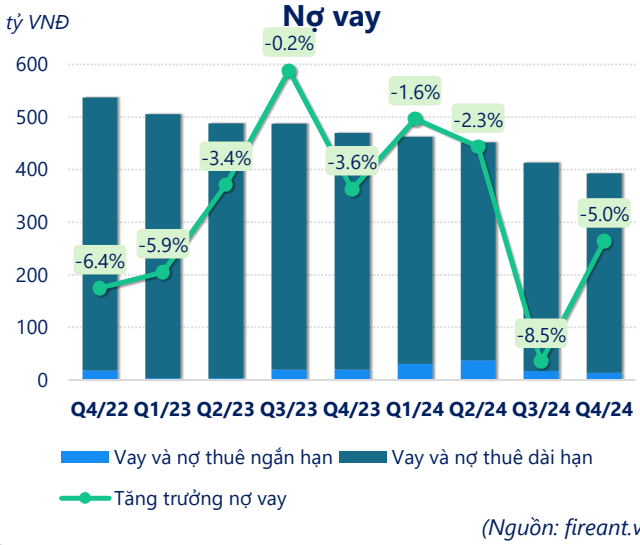
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



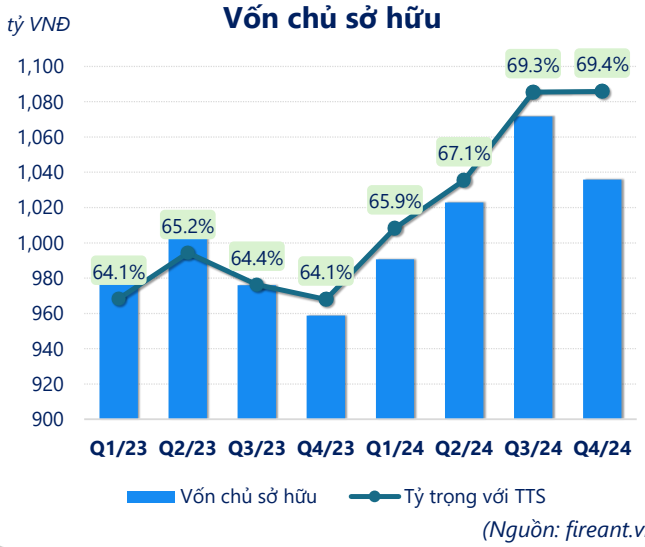
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



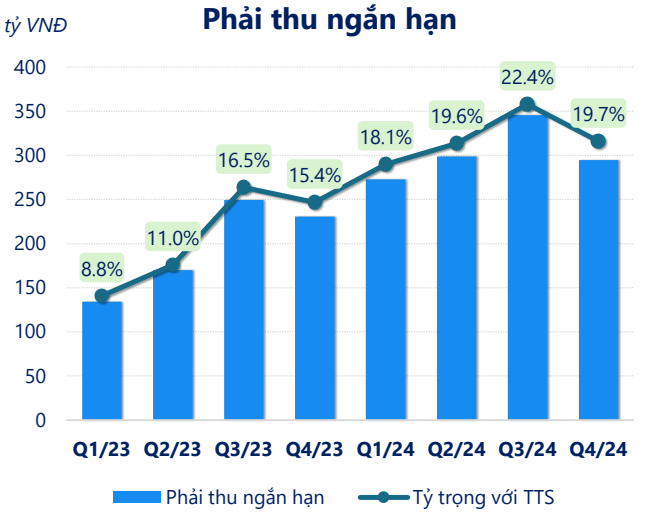
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



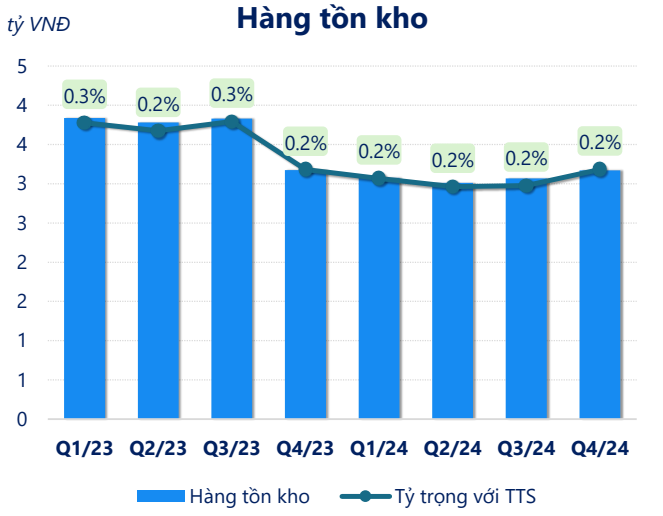
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



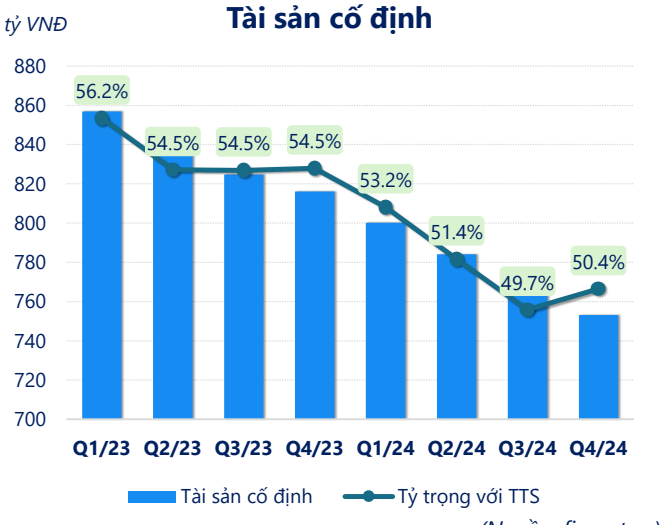
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



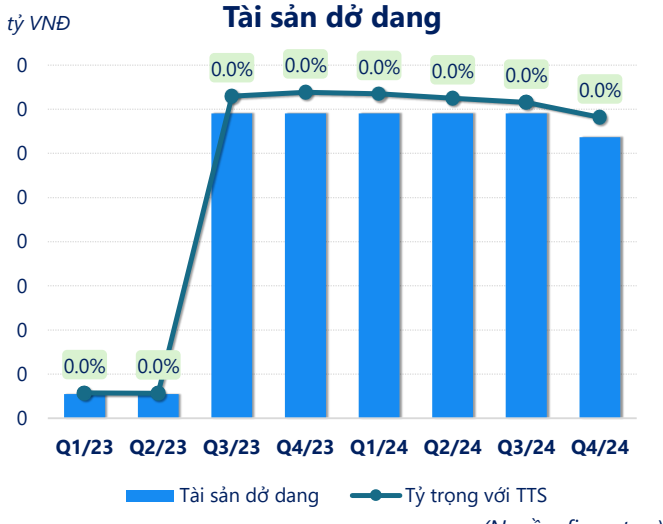
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



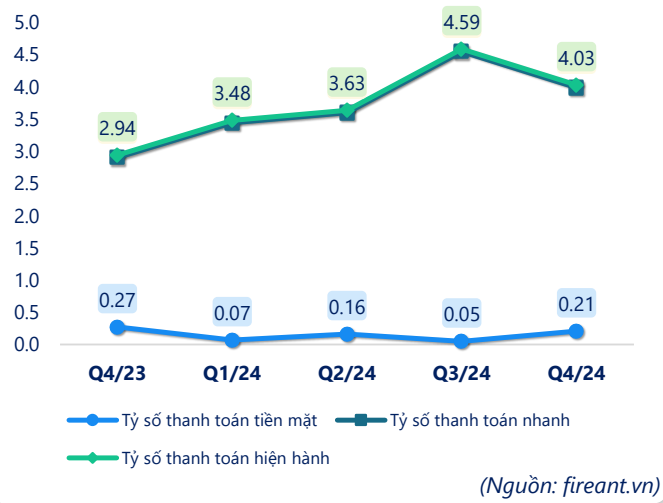
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



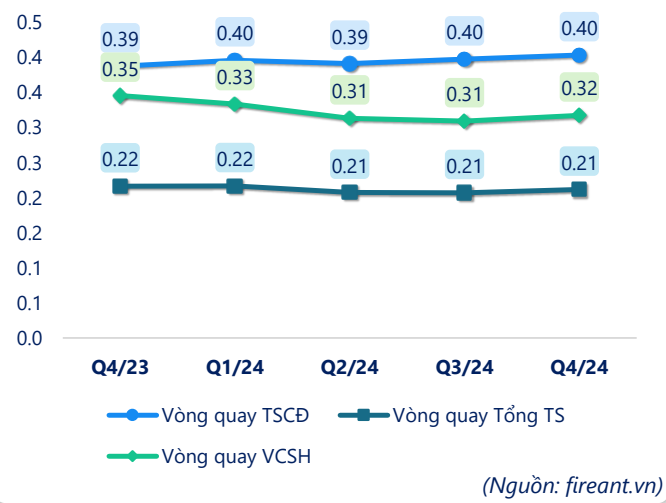
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,497**	**1,504**	**1,524**	**1,545**	**1,493**
Tài sản ngắn hạn	**259**	**282**	**317**	**354**	**318**
Tiền và tương đương tiền	23.9	5.60	14.3	3.74	16.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	231	273	299	346	295
Hàng tồn kho	3.17	3.08	3.01	3.07	3.17
Tài sản ngắn hạn khác	0.80	0.69	0.89	1.36	3.48
Tài sản dài hạn	**1,238**	**1,222**	**1,208**	**1,192**	**1,176**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	816	800	784	768	753
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.35	0.35	0.35	0.35	0.32
Đầu tư tài chính dài hạn	420	420	420	420	420
Tài sản dài hạn khác	1.67	1.45	3.14	2.74	2.34
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**538**	**513**	**502**	**474**	**458**
Nợ ngắn hạn	**88.0**	**81.0**	**87.2**	**77.1**	**78.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.8	30.3	37.3	16.8	13.8
Phải trả người bán ngắn hạn	1.55	0.16	0.15	0.27	0.66
Nợ dài hạn	450	432	414	397	379
Vay và nợ thuê dài hạn	450	432	414	397	379
Nguồn vốn chủ sở hữu	**959**	**991**	**1,023**	**1,072**	**1,036**
Vốn chủ sở hữu	**959**	**991**	**1,023**	**1,072**	**1,036**
Vốn điều lệ	477	477	477	477	477
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)